TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phùng Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tô Thị Lợi

Ông Hoàng Đức Huân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Tạ Phương Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Chu Xuân Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2022/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị An T, sinh năm 1999; Địa chỉ: Đội E, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vi Đức H, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ F, khối G, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 21/4/2022 nộp tại Tòa án ngày 21/4/2022, bản tự khai ngày 22/6/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị An T trình bày:

Chị Phan Thị An T và anh Vi Đức H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa ngày 20/6/2017. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Vi Đức H thường xuyên chơi lô đề, cờ bạc, có hành vi đánh đập chị và con. Đến tháng 01/2021 chị chuyển ra ở riêng và sống

ly thân từ thời điểm đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, không liên lạc cũng như hỏi thăm nhau. Vì vậy chị Phan Thị An T xác định vợ chồng không còn tình cảm, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Đức H.

Về con chung: Chị Phan Thị An T và anh Vi Đức H có 01 người con chung là cháu Vi Thanh U, sinh ngày 16/6/2018. Hiện nay cháu Vi Thanh U đang ở cùng chị Phan Thị An T, khi ly hôn chị Phan Thị An T yêu cầu là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Vi Thanh U vì hiện nay chị có điều kiện kinh tế ổn định thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000 đến 7.000.000 đồng/tháng. Chị Phan Thị An T không yêu cầu anh Vi Đức H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và cho vay nợ: Không có.

Đối với bị đơn anh Vi Đức H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần và giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh Vi Đức H, nhưng anh Vi Đức H cố tình vắng mặt, cố tình không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án; không đến Tòa án để thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng tại phiên tòa ngày 12/9/2022 anh Vi Đức H vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh Vi Đức H vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại Công văn số 777/UBND ngày 18/7/2022, Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cho biết anh Vi Đức H có đăng ký tạm trú từ ngày 12/02/2020 đến ngày 12/02/2022 thì hết hạn tạm trú và không ra hạn. Qua xác minh với khối trưởng khối G, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Hiện nay anh Vi Đức H có đăng ký tạm trú tại Tổ F, khối G, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhưng bản thân anh đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương. Hai vợ chồng anh Vi Đức H và chị Phan Thị An T từ khi lấy nhau đều không có mặt tại địa phương nên khối không nắm được tình hình. Tại Công văn số 24/CV-CAP ngày 18/8/2022, công an phường M xác nhận anh Vi Đức H và chị Phan Thị An T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khối A, phường M, thành phố L nhưng khoảng năm 2014, gia đình anh đã bán nhà và đến tạm trú tại xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, từ đó đến nay công an phường M không có thông tin gì về nhân khẩu anh Vi Đức H và chị Phan Thị An T.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý vụ án

đến khi tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định về việc viết bản tự khai, tham gia phiên tòa và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định; bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị An T, cho chị Phan Thị An T ly hôn với anh Vi Đức H.

Về con chung: Chị Phan Thị An T và anh Vi Đức H có 01 con chung là cháu Vi Thanh U, sinh ngày 16/6/2018, hiện nay cháu Vi Thanh U đang ở cùng mẹ. Vì vậy, đề nghị giao cháu Vi Thanh U cho chị Phan Thị An T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Vi Thanh U đủ 18 tuổi. Anh Vi Đức H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Phan Thị An T không yêu cầu. Anh Vi Đức H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Phan Thị An T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập bị đơn anh Vi Đức H hợp lệ lần thứ nhất để đưa ra xét xử nhưng anh Vi Đức H vắng mặt không có lý do, nên phải hoãn phiên tòa vào ngày 12/9/2022. Tại phiên tòa hôm nay, anh Vi Đức H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Vi Đức H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 21/4/2022 chị Phan Thị An T gửi đơn xin ly hôn với anh Vi Đức H và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị An T và anh Vi Đức H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa ngày 20/6/2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 01 con chung. Một thời gian sau khi kết hôn bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong thời gian chung sống chị Phan Thị An T và anh Vi Đức H bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 01 năm 2021, chị Phan Thị An T bỏ về xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa sinh sống, hai vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Chị Phan Thị An T đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án và được Tòa án thụ lý vụ án vào ngày 07 tháng 6 năm 2022, nhưng trong quá trình giải quyết anh Vi Đức H mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh Vi Đức H không đến Tòa án theo giấy triệu tập, cũng như không có ý kiến về việc chị Phan Thị An T xin ly hôn với anh. Như vậy, chứng tỏ anh Vi Đức H cũng không tha thiết gì đến việc hàn gắn hôn nhân, níu kéo tình cảm vợ chồng.

Tại Công văn số 777/UBND ngày 18/7/2022, Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cho biết anh Vi Đức H có đăng ký tạm trú tại Tổ F, khối G, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 12/02/2020 đến 12/02/2022. Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Vi Đức H và chị Phan Thị An T Ủy ban nhân dân xã T không nắm rõ vì không có ai trình báo. Tại Công văn số 24/CV-CAP ngày 18/8/2022, công an phường M xác nhận anh Vi Đức H và chị Phan Thị An T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khối A, phường M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn nhưng đến khoảng năm 2014, gia đình anh đã bán nhà và đến tạm trú tại xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, từ đó đến nay công an phường M không có thông tin gì về nhân khẩu anh Vi Đức H và chị Phan Thị An T. Do vậy có cơ sở để xác định vợ chồng chị Phan Thị An T và anh Vi Đức H không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2021, từ đó đến nay anh Vi Đức H và chị Phan Thị An T cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị Phan Thị An T được ly hôn với anh Vi Đức H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị Phan Thị An T và anh Vi Đức H có 01 người con chung là cháu Vi Thanh U, sinh ngày 16/6/2018, hiện đang ở cùng chị Phan Thị An T. Khi ly hôn chị Phan Thị An T yêu cầu là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét thấy chị Phan Thị An T có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị Phan Thị An T. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Phan Thị An T chưa yêu cầu nên anh Vi Đức H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Phan Thị An T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung và cho vay nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Phan Thị An T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị An T, cho chị Phan Thị An T được ly hôn anh Vi Đức H.

2. Về con chung: Giao cháu Vi Thanh U, sinh ngày 16/6/2018 cho chị Phan Thị An T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi; anh Vi Đức H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh Vi Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Phan Thị An T chưa yêu cầu.

4. Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

5. Về nợ chung và cho vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí: Chị Phan Thị An T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* để sung ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0001443, ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị An T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Vi Đức H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- THADS huyện Cao Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phùng Đức Chính